



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 13/09/2026 (Chủ Nhật)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mực nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
0.8	20:34	00:30	↗
3.5	02:46	06:00	↘
1.2	08:52	12:30	↗
3.5	14:52	18:00	↘
1.2	21:08	00:45	↗
3.5	03:05	06:15	↘

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Duyệt	NEXOE MAERSK	10.4	199	27,733	P/s3 - CL4	01:30	// 04.30Cano DL	A2-A6
2	N.Chiến	SITC MINGDE	9.9	172	18,820	P/s3 - CL7	01:30	// 04.30	A1-A3
3	Vinh	YM HORIZON	8.7	169	15,167	P/s3 - CL1	02:30	// 06.00	A2-A3
4	M.Tùng - N.Trường	EVER BRAVE	9.2	211	32,691	P/s3 - CL5	08:00	// 11.00	A1-A6
5	Đ.Chiến - Lương	SEOUL GLOW	9.4	176	18,123	P/s3 - CL1	13:00	// 12.30	A3-A2
6	Nghị - Đảo	TPC-TK06+TPC-SL16	5.8	190	6,257	H25 - CanGio	11:00		
7	Quân - Đ.Hải	WAN HAI 287	10.4	175	20,924	P/s3 - CL4	13:00	// 16.00	A1-A3
8	Trung	KMTC XIAMEN	9.7	197	27,997	P/s3 - CL4-5	13:30	// 16.30	A1-A3
9	P.Tuấn	CNC CHEETAH	10.7	186	31,999	P/s3 - CL7	13:30	// 16.30Y/c MT	A2-A6
10	T.Tùng	MAERSK KEELUNG	10.9	186	32,416	P/s3 - CL3	14:00	// 17.00Y/c MT	A2-A6
11	N.Thanh	WAN HAI 283	10.5	175	20,924	P/s3 - BNPH	14:00	// 17.00	A1-A2
12	Giang	YONG SHENG 99	7.5	123	7,460	H25 - TCHP	22:00	Y/c MP	
13	N.Hoàng	EVER FORTUNE	5.4	83	1,936	P/S - CR	07:00	QTCR	
STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	P.Tuấn - V.Tùng	MOL EARNEST	13.2	294	54,098	P/s3 - CM4	01:30	MP-VTX	A9-A10
2	T.Cần - N.Minh	WAN HAI 901	10	275	82,875	CM2 - P/s3	09:00	MT	MR-AWA
3	Phú - Đăng	MOL EARNEST	13.2	294	54,098	CM4 - P/s3	14:00	MP-VTX	A9-A10
4	A.Tuấn - Chương	NYK VENUS	14	339	97,825	CM3 - P/s3	14:30	MT-VTX	MR-AWA
5	Đ.Long	GREEN HOUSE	11	240	60,284	P/s3 - CM3	14:30	MP-VTX	MR-AWA
6	N.Tuấn - Th.Hùng	OOCL TULIP	12.2	367	159,260	P/s3 - CM4	19:30	MP-3NM-VTX	A9-A10-H8

7	Hoàn	PACIFIC GRACE	8.6	145	9,352	P/s3 - CM2	19:00		MR-AWA
STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Khái	WAN HAI 308	10.3	200	27,311	BP7 - P/s3	00:30	Q.H ; DL	A1-A3
2	Đ.Minh	HAIAN ROSE	7.9	172	17,515	TCHP - H25	04:00		08-SG98
3	Đức	MAERSK MONGLA	8.4	186	33,128	CL7 - P/s3	04:30		A1-A2
4	V.Đũng	SITC KEELUNG	9.5	172	17,119	CL4 - P/s3	04:30		A6-01
5	Uy	CA GUANGZHOU	9.8	167	17,871	CL1 - P/s3	06:00		A2-A3
6	P.Hung - Chính	SPIL NIRMALA	9.9	212	26,638	CL5 - P/s3	11:00		A1-A6
7	M.Hải	TPC-TK08; TPC-SL-18	2.6	190	6,257	CanGio - H25	11:00		
8	Tân - T.Đũng	YM HORIZON	7.3	169	15,167	CL1 - P/s3	13:30		A2-A3
9	P.Thùy	NEXOE MAERSK	9.6	199	27,733	CL4 - P/s3	14:00		A2-A6
10	M.Cường - Th.Tùng	SITC MINGDE	8.5	172	18,820	CL7 - P/s3	13:30		A1-01
11	Nhật	NICOLINE MAERSK	9.7	199	27,733	CL4-5 - P/s3	16:30		A1-A3
12	Anh	MTT SENARI	8.1	160	13,059	CL3 - H25	16:30	SR	A6-01
13	Quang	STARSHIP PEGASUS	8.4	173	20,920	BNPH - P/s3	12:30		A3-SG97
14	Tín	TRUONG AN 06	3	96	2,917	CanGio - H25	14:00	ĐX	
STT	Hoa tiêu	Tàu đời	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Nhật	MAERSK MONGLA	8.4	186	33,128	CL7 - CL7	00:30	Quay đầu, ĐX	

PILOTING TO SUCCESS